

## DANH MỤC LĨNH VỰC THẨM TRA THỰC HIỆN (CẤP ĐỘ TỔ CHỨC)

Lĩnh vực <i>Sector</i>	Ví dụ về các hoạt động gây phát thải khí nhà kính/ <i>Example of included activities that cause GHG</i>
Phát điện và truyền tải điện/ <i>Power Generation and Electric Power Transactions</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền tải điện/ <i>Transmission of electricity</i></li> <li>- Sản xuất điện với công suất lớn/ <i>Generation of bulk electric power</i></li> <li>- Truyền tải từ cơ sở sản xuất đến trung tâm phân phối và/hoặc phân phối đến người dùng cuối/ <i>Transmissions from generating facilities to distribution centers and/or distribution to end users</i></li> <li>- Hệ thống năng lượng tái tạo/ <i>Renewable energy systems</i></li> <li>- Mua điện, hơi nước/ <i>Purchased electricity, steam</i></li> </ul>
Sản xuất chung (biến đổi vật lý hoặc hóa học của vật liệu hoặc vật chất thành sản phẩm mới)/ <i>General Manufacturing (physical or chemical transformation of materials or substances into new products)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất – Thiết bị điện và điện tử, máy móc công nghiệp/ <i>Manufacturing – Electric and electronics equipment, industrial machinery</i></li> <li>- Sản xuất – Chế biến thực phẩm/ <i>Manufacturing – Food processing</i></li> <li>- Lưu ý: Kỹ thuật dân dụng (ví dụ: xây dựng) được bao gồm trong lĩnh vực này/ <i>Note: Civil engineering, e.g. construction, will cover under this sector</i></li> </ul>
Thăm dò, khai thác, sản xuất, lọc dầu và khí, và phân phối qua đường ống, bao gồm hóa dầu/ <i>Oil and Gas Exploration, Extraction, Production and Refining, and pipeline distribution, including Petrochemicals</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thăm dò và khai thác thông thường/ <i>Conventional exploration and production</i></li> <li>- Cát dầu và nâng cấp dầu nặng/ <i>Oil sands and heavy oil upgrading</i></li> <li>- Sản xuất khí mêtan trong tầng than/ <i>Coal bed methane production</i></li> <li>- Nhà máy xử lý khí/ <i>Gas processing plants</i></li> <li>- Hoàn thiện giếng khí/ <i>Gas well completions</i></li> <li>- Vận chuyển và phân phối/ <i>Transportation and distribution</i></li> <li>- Tồn trữ khí thiên nhiên và vận hành khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)/ <i>Natural gas storage and LNG operations</i></li> <li>- Vận chuyển dầu thô/ <i>Crude oil transportation</i></li> <li>- Tinh chế/ <i>Refining</i></li> <li>- Sản xuất hóa dầu/ <i>Petrochemical manufacturing</i></li> <li>- Phát thải từ lỗ thông hơi trong xử lý dầu khí/ <i>Emissions from process vents in oil and gas treatment</i></li> <li>- Phát thải từ các quá trình (ví dụ: khử nước glycol, loại bỏ khí axit/thu hồi lưu huỳnh, sản xuất hydro, tái tạo chất xúc tác quá trình cracking chất xúc tác tầng sôi (FCC))/ <i>Process emissions (e.g. glycol dehydration, acid gas removal/sulphur recovery, hydrogen production, fluid catalytic cracker (FCC) catalyst regeneration)</i></li> <li>- Phát thải bay hơi (ví dụ: chất tải lên tàu, tồn trữ trong bồn chứa và bồn bay hơi, bay hơi khí đồng hành)/ <i>Venting emissions (e.g. vessel loading, tank storage and flashing, and venting of associated gas)</i></li> <li>- Phát thải nhất thời (ví dụ: rò rỉ từ thiết bị và các bộ phận đường ống)/ <i>Fugitive emissions (e.g. leaks from equipment and piping components)</i></li> <li>- Các sự kiện không thường xuyên (ví dụ: rò rỉ khí trong quá trình bảo trì thiết bị và đường ống theo kế hoạch, rò rỉ từ các sự kiện ngoài kế hoạch)/ <i>Non-routine events (e.g. gas releases during planned pipeline and equipment maintenance, releases from unplanned events)</i></li> </ul>

<b>Lĩnh vực</b> <i>Sector</i>	<b>Ví dụ về các hoạt động gây phát thải khí nhà kính/</b> <i>Example of included activities that cause GHG</i>
Sản xuất kim loại/ <i>Metals Production</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất gia công kim loại đen/ <i>Production of processing of ferrous metals</i></li> <li>- Sản xuất nhôm thứ cấp/ <i>Production of secondary aluminium</i></li> <li>- Gia công kim loại màu, bao gồm sản xuất các hợp kim/ <i>Processing of non-ferrous metals, including production of alloys</i></li> <li>- Sản xuất than cốc/ <i>Production of coke</i></li> <li>- Nung hoặc thiêu kết quặng kim loại, kể cả tạo viên/ <i>Metal ore roasting or sintering, including pelletisation</i></li> <li>- Sản xuất gang hoặc thép, bao gồm đúc liên tục/ <i>Production of pig iron or steel including continuous casting</i></li> </ul>
Sản xuất nhôm/ <i>Aluminum Production</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất nhôm sơ cấp/ <i>Primary aluminium</i></li> </ul>
Khai khoáng và sản xuất khoáng sản/ <i>Mining and Mineral Production</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất clanhke xi măng, sản xuất vôi hoặc nung dolomite hoặc magnetit/ <i>Production of cement clinker and production of lime or calcinations of dolomite or magnetite</i></li> <li>- Thủy tinh và gốm sứ, bông khoáng/ <i>Glass and ceramic, mineral wool</i></li> </ul>
Bột giấy, giấy và in ấn/ <i>Pulp, Paper and Print</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-</li> </ul>
Sản xuất hóa chất/ <i>Chemical Production</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất muội than/ <i>Production of carbon black</i></li> <li>- Sản xuất Amoniac/ <i>Production of ammonia</i></li> <li>- Sản xuất các hóa chất hữu cơ với số lượng lớn bằng cracking, reforming, oxi hóa một phần hoặc toàn bộ hoặc bằng các quy trình tương tự/ <i>Production of bulk organic chemicals by cracking, reforming, partial or full oxidation or by similar processes</i></li> <li>- Sản xuất Hidro và khí tổng hợp bằng reforming hoặc oxi hóa một phần/ <i>Production of hydrogen and synthesis gas by reforming or partial oxidation</i></li> <li>- Sản xuất xút và Natri Bicacbonat/ <i>Production of soda ash and sodium bicarbonate</i></li> <li>- Sản xuất axit Nitric/ <i>Production of nitric acid</i></li> <li>- Sản xuất axit Adipic/ <i>Production of adipic acid</i></li> <li>- Sản xuất Glyoxal và axit Glyoxylic/ <i>Production of glyoxal and glyoxylic acid</i></li> </ul>
Lưu trữ thu hồi Carbon/ <i>Carbon Capture Storage</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu giữ, vận chuyển khí nhà kính bằng đường ống để lưu trữ địa chất/ <i>Capture and transport of GHG by pipelines for geological storage</i></li> <li>- Lưu trữ địa chất khí nhà kính tại một địa điểm lưu trữ/ <i>Geological storage of GHG in a storage site</i></li> </ul>
Vận tải/ <i>Transport</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng không/ <i>Aviation</i></li> <li>- Các hình thức vận tải khác/ <i>Other transportation</i></li> </ul>
Xử lý và tiêu hủy chất thải/ <i>Waste handling and disposal</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý nước và nước thải/ <i>Water and waste water treatment</i></li> <li>- Cơ sở chôn lấp và ủ/ <i>Landfill and Composting Facilities</i></li> </ul>
Nông nghiệp, lâm nghiệp và các hình thức sử dụng đất khác <i>Agriculture, Forestry and Other Land Use (AFOLU)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-</li> </ul>

<b>Lĩnh vực</b> <i>Sector</i>	<b>Ví dụ về các hoạt động gây phát thải khí nhà kính/</b> <i>Example of included activities that cause GHG</i>
Các lĩnh vực khác/ <i>General</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Dịch vụ tòa nhà, quản lý cơ sở vật chất/ <i>Building Services/facilities management</i></li><li>- Giáo dục/ <i>Education</i></li><li>- Bệnh viện/ <i>Hospital</i></li><li>- Các hoạt động khác/ <i>Others</i></li></ul>

